TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 45/2019/DS-ST
Ngày: 27-11-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Vũ.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2019/TLST-DS ngày 30/7/2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2019/QĐXXST-DS ngày 23/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2019/QĐST-DS ngày 11/11/2019; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **H**, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn*: Chị **T**, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Đ**, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

(Chị H và anh Đ có mặt, chị T vắng mặt lần 02 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 23/7/2019 nguyên đơn trình bày:* Vào ngày 26/10/2015 chị T có mua bia Sài Gòn đỏ của chị H và nợ tổng số tiền trước sau là 11.191.000 đồng và 144 vỏ bia (kết bia) tương đương giá 8.640.000 đồng. Chị T hứa ngày hôm sau sẽ trả tiền và vỏ bia. Nhưng đến ngày 23/7/2019 vẫn không trả. Nay yêu cầu chị T trả số tiền bia là 11.191.000 đồng và 144 vỏ bia tương đương số tiền 8.640.000 đồng. Tổng cộng là 19.831.000 đồng.

Ngày 22/10/2019 chị H có văn bản rút một phần yêu cầu, chị H yêu cầu chị T trả tiền bia là 11.191.000 đồng, xin rút lại đối với 144 vỏ đựng bia với số tiền là 8.640.000 đồng.

Tại phiên tòa: Chị H yêu cầu chị T trả số tiền nợ mua bia là 11.191.000 đồng. Không yêu cầu gì đối với chồng chị T.

** Bị đơn là chị T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Chị T thiếu tiền bia và vỏ chai bia lâu ngày nhưng hứa hẹn lần lược không thanh toán, anh Đ có nộp đơn cho chính quyền giải quyết, nhưng chị T chỉ hứa hẹn. Đến khi nộp đơn ra Tòa anh Đ để vợ là chị H đứng tên khởi kiện vì chị H trực tiếp giao dịch và biết rõ nội dung. Số tiền nợ không lớn nên anh Đ có ý kiến để chị H thu nợ, yêu cầu Tòa án buộc chị T trả cho chị H số tiền này, không cần phải buộc trả cho anh Đ. Anh giao cho chị H quyết định toàn bộ số tiền này.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và chị H, anh Đ đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H, anh Đ đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc chị T trả số tiền mua bia là 11.191.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị T đã được Tòa án triệu tập để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt 02 lần nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị H và chị T có hợp đồng mua bán bia, nhưng xảy ra tranh chấp, chị H yêu cầu chị T trả tiền mua bia còn thiếu nên xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*.

[2] Về nội dung vụ án: Chị H yêu cầu chị T trả tiền mua bia còn thiếu là 11.191.000 đồng. Chị H có cung cấp chứng cứ là T tờ giấy ghi nợ tiền bia và nợ vỏ

bia và biên bản xác minh ngày 20/12/2018 (Bút lục 07) có chữ ký của chị T, nội dung biên bản chị T thừa nhận có nợ tiền mua bia.

Chị T vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày, không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu của chị H.

Tại biên bản xác minh ngày 23/10/2019, anh S là chồng của chị T cho biết: Việc làm ăn giữa chị H và chị T anh S không rõ, nhưng còn nợ tiền và vỏ bia chị T có làm biên nhận chắc có thiếu, hôm trước có thỏa thuận dưới ấp từ từ sẽ trả, không hiểu sao lại kiện đến Tòa. Chị T hiện tại vẫn sống chung nhà nhưng đang đi làm.

Tòa án đã tổ chức hòa giải để các bên thương lượng, tự thỏa thuận nhưng bị đơn cố tình vắng mặt. Tòa án cũng đã tổ chức mở phiên tòa hai lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn là tự đánh mất các quyền được tự thỏa thuận, mất quyền được trình bày ý kiến và tranh tụng tại phiên tòa.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, thấy rằng chị H trình bày là có cơ sở; chị T còn nợ tiền mua bia của chị H là có thật.

[3] Anh Đ và chị H là vợ chồng cùng kinh doanh, chị H đứng ra giao dịch với chị T; anh Đ có ý kiến giao quyền cho chị H khởi kiện và thu tiền nợ của chị T. Yêu cầu Tòa án buộc chị T trả tiền cho chị H, không cần phải trả cho anh. Đây là quyền quyết định của đương sự, không ảnh hưởng đến quyền lợi của chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này của anh Đ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị H, anh Đ và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, phù hợp quy định nên buộc chị T trả cho chị H số tiền mua bia là 11.191.000 đồng.

[4] Chị H rút yêu cầu đối với 144 vỏ bia, tương đương số tiền 8.640.000 đồng nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đương sự đã rút.

[5] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; chị T phải chịu tiền án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành là 559.000 đồng (Năm trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Yêu cầu của chị H được chấp nhận nên chị H không chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 147, 207, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 119, 430, 433, 434, 440 của Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13; các Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc chị T trả cho chị H số tiền 11.191.000 đồng (Mười một triệu một trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị H cho đến khi thi hành xong số tiền, hàng tháng chị T còn phải trả khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm: Chị T chịu tiền án phí là 559.000 đồng (Năm trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 496.000 đồng (Bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006139 ngày 29/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Chị H, anh Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị T vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận